TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2024/HC-PT
Ngày: 18-9-2024
V/v "Khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thái
Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Ngọc Dung
Ông Nguyễn Tấn Long

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông Lê Phước Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 217/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về "*Khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc và yêu cầu bồi thường thiệt hại*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1804/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*:

1. Ông Vũ Ngọc T; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Ngân S; địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Ông Cao Phong B; địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Phương T1; địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Cao Phong B*:* Ông Nguyễn Việt H – Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Siu Y B1 - Phó Chủ tịch, có mặt.

+ Ông Lâm Đức T2 – Trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện C, tỉnh Gia Lai, có mặt.

+ Bà Đinh Thị H1 – Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện C kiêm Trưởng phòng Phòng Nội vụ huyện C, tỉnh Gia Lai, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Siu Y B1 - Phó Chủ tịch, có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Cao Phong B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Vũ Ngọc T*, ông* Cao Phong B *và người đại diện theo ủy quyền của ông* T*, ông* B *trình bày:*

Ông Vũ Ngọc T là công chức, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Gia Lai.

Ông Cao Phong B là công chức Địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường của Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trước đó, ông B là công chức Địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường của Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Năm 2016, ông Vũ Ngọc T và ông Cao Phong B do thiếu trách nhiệm khi xác nhận, thẩm định, lập danh sách, lập tờ trình, tham mưu không đúng cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Lệ H2, dẫn đến ông N, bà Hoa lợi d giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng để lừa đảo chiếm đoạt của Ngân hàng Đ 580.000.000 đồng.

Ngày 22/9/2022, ông T, ông B bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 15 tháng tù treo với tội danh *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*.

Ngày 28/10/2022, ông T, ông B bị Huyện ủy Chư Pưh, tỉnh Gia Lai kỷ luật Đảng bằng hình thức **"khai trừ"**.

Ngày 19/4/2023, Ủy ban nhân dân xã I, huyện C tổ chức họp kiểm điểm đối với ông B.

Ngày 21/4/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Gia Lai tổ chức họp kiểm điểm đối với ông T.

Ngày 14/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định số 507/QĐ-UBND về việc thi hành kỷ luật đối với ông T và Quyết định số 508/QĐ-UBND về việc thi hành kỷ luật đối với ông B, cả hai người đều bị kỷ luật với hình thức **"buộc thôi việc"**. Ông T, ông B nhận thấy việc thi hành kỷ luật này là không đúng quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- *Thời hạn ra quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 80 Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức sửa đổi, bổ sung ngày 25/11/2019 về thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật luật không quá 90 ngày. Trong trường hợp phức tạp cần kiểm tra, thanh tra thì không quá 150 ngày.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 2 Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về kỷ luật cán bộ, công chức và viên chức, trường hợp công chức bị kỷ luật Đảng thì thời hạn ra quyết định kỷ luật hành chính không quá 30 ngày.

Vậy với 02 căn cứ trên, kể từ ngày Huyện ủy huyện C ra Quyết định số 42 QĐ/UBKT và Quyết định số 43 QĐ/UBKT (ngày 28/10/2022) kỷ luật Đảng đối với ông B và ông T, đến ngày 14/8/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C mới ra Quyết định số 507/QĐ-UBND và Quyết định số 508/QĐ-UBND về việc kỷ luật hành chính đối với ông T, ông B bằng hình thức "buộc thôi việc" là đã quá 150 ngày.

Do đó, Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND đã hết thời hạn xử lý.

- *Về hình thức kỷ luật "buộc thôi việc".*

Căn cứ vào Điều 13 Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức bằng hình thức "buộc thôi việc" thì ông T, ông B không thuộc trong các trường hợp này.

Căn cứ khoản 8 Điều 8 Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật công chức, viên chức bằng hình thức "khiển trách" thì ông T, ông B thuộc trong các trường hợp này.

Vậy theo 02 căn cứ trên, thì ngày 14/8/2023 Chủ tịch UBND huyện C ra Quyết định số 507/QĐ-UBND và Quyết định số 508/QĐ-UBND để kỷ luật ông T, ông B bằng hình thức "buộc thôi việc" là trái pháp luật.

Không đồng ý với các Quyết định trên ông T, ông B đã khiếu nại yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 507/QĐ-UBND và Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 642/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không chấp nhận khiếu nại của ông T, ông B.

Vì vậy, ông Vũ Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc thi hành kỷ luật đối với ông Vũ Ngọc T.

- Hủy Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Ngọc T (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải bồi thường 93.032.932 đồng thiệt hại; khôi phục việc làm và các chế độ theo quy định của pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện C đăng báo xin lỗi và cải chính công khai.

Ông Cao Phong B yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc thi hành kỷ luật đối với ông Cao Phong B.

- Hủy Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Phong B (lần đầu).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải bồi thường 87.980.654 đồng thiệt hại, khôi phục việc làm, các chế độ theo quy định của pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện C đăng báo xin lỗi và cải chính công khai.

- *Người bị kiện:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B.

Trước đây, ông Vũ Ngọc T là công chức chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Gia Lai; ông Cao Phong Bình n công chức Địa chính, xây dựng, nông nghiệp và môi trường xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt tù cho hưởng án treo *(tại Quyết định số 26/2022/QĐ-CA, Quyết định số 27/2022/QĐ-CA ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về thi hành án phạt tù cho hưởng án treo)* và bị Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Chư Pưh thi hành kỷ luật đảng bằng hình thức **"khai trừ"** *(tại Quyết định số 42-QĐ/UBKTHU, Quyết định 43-QĐ/UBKTHU ngày 28/10/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy C)*.

Ngày 25/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND, Quyết định số 02/QĐ-UBND về việc thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B bằng hình thức "buộc thôi việc". Khi phát hiện trình tự, thủ tục xử lý kỷ

luật đối với ông T, ông B là chưa đúng quy định tại Điều 25 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 112/2020/NĐ-CP), cụ thể: Thiếu bước tổ chức họp kiểm điểm công chức, vì vậy, ngày 11/4/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND, Quyết định số 153/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B để thực hiện lại quy trình xử lý kỷ luật công chức theo quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã thực hiện lại đầy đủ trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật ông T, ông B theo quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP và ban hành Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 về việc thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B:

- *Về nguyên tắc xử lý kỷ luật:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nguyên tắc xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP; đồng thời tham khảo Văn bản số 6144/BNV-CCVC ngày 05/12/2022 của Bộ N1 về trao đổi chuyên môn nghiệp vụ có hướng dẫn về xử lý kỷ luật hành chính đối với cán bộ, công chức bị phạt tù cho hưởng án treo và cấp ủy có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật Đảng bằng hình thức "Khai trừ" thì …"*trường hợp công chức đã bị kỷ luật Đảng bằng hình thức "Khai trừ" sẽ bị kỷ luật bằng hình thức "Buộc thôi việc*".

- *Về thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 và theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

- *Về thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với ông T, ông B đúng theo khoản 2 Điều 24 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

- *Về trình tự thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện đúng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP:

+ *Về tổ chức họp kiểm điểm:* Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Văn bản số 399/UBND-NC ngày 13/4/2023 chỉ đạo Phòng T tổ chức họp kiểm điểm đối với ông T và Văn bản số 399/UBND-NC ngày 13/4/2023 chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã I tổ chức họp kiểm điểm đối với ông B theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

+ *Về thành lập Hội đồng kỷ luật:* Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Chư Pưh đã thi hành kỷ luật Đảng đối với ông T, ông B bằng hình thức "Khai trừ". Do vậy, Ủy ban

nhân dân huyện C không thành lập Hội đồng kỷ luật là đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

+ *Về Quyết định kỷ luật công chức:* Qua xem xét Biên bản cuộc họp kiểm điểm đối với ông B ngày 19/4/2023, Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã I và đề xuất của Phòng Nội vụ tại Văn bản số 570/NV-CCVC ngày 09/8/2023, Biên bản cuộc họp kiểm điểm đối với ông T ngày 21/4/2023, Báo cáo số 51/BC-TNMT ngày 21/4/2023 của Phòng T và đề xuất của Phòng Nội vụ tại Văn bản số 570/NV-CCVC ngày 09/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B là đúng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

- *Về hình thức kỷ luật:* Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 2, điểm d khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ N1 tại Công văn số 6144/BNV-CCVC ngày 05/12/2022, Sở Nội vụ tỉnh G tại Công văn số 2642/SNV-CCVC ngày 06/12/2022 và Công văn số 766/SNV-CCVC ngày 06/4/2023, thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 về việc thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B với hình thức **"buộc thôi việc"** là có cơ sở và đúng quy định.

Từ các nội dung trình bày đã nêu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện; giữ nguyên Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 13/10/2023, Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông T, ông B (lần đầu):

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 về việc thi hành kỷ luật đối với ông T, ông B. Ngày 21/08/2023, ông T, ông B có đơn khiếu nại với 02 nội dung như sau: **(1)** Thời hạn ban hành Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND huyện; **(2)** Về hình thức kỷ luật buộc thôi việc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã tiến hành giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 642/QĐ-UBND, Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông T, ông B (lần đầu) đúng theo trình tự, thủ tục

giải quyết khiếu nại quy định tại Luật Khiếu nại 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và các văn bản khác liên quan, cụ thể:

- *Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại:* Đúng theo quy định tại Điều 51 Luật Khiếu nại 2011.

- *Về thời hiệu khiếu nại:* Đúng theo quy định tại Điều 48 Luật Khiếu nại.

- *Về thời hạn thụ lý và giải quyết khiếu nại:* Ngày 21/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C nhận được đơn khiếu nại của ông T, ông B. Ngày 30/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 264/TB-UBND thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông T và ông B. Ngày 27/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 288/TB-UBND, Thông báo số 289/TB-UBND về việc kéo dài thời gian giải quyết khiếu nại. Ngày 13/10/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 642/QĐ-UBND, Quyết định số 643/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của ông T, ông B (lần đầu) là đúng theo quy định tại Điều 50 Luật Khiếu nại 2011, Điều 16 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ: *"Trong thời hạn 10 ngày làm việc,... người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần hai phải thụ lý giải quyết... thông báo cho người khiếu nại"* (từ ngày 21/8/2023 đến ngày 30/8/2023 là 08 ngày làm việc) và Điều 50 Luật Khiếu nại 2011: *"đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý"* (từ ngày 30/8/2023 đến ngày 13/10/2023 là 45 ngày).

- *Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã phân công Phòng Tư pháp kiểm tra lại quyết định kỷ luật bị khiếu nại, thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại và gửi Quyết định giải quyết khiếu nại đúng theo quy định tại các Điều 52, 53, 54 Luật Khiếu nại 2011 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Từ các nội dung trình bày đã nêu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện; giữ nguyên Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 13/10/2023, Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông T, ông B (lần đầu).

Ủy ban nhân dân huyện C, *tỉnh Gia Lai và người đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 507/QĐ-UBND, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 về việc thi hành kỷ luật đối với ông T và ông B với hình thức **"buộc thôi việc"** và Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 13/10/2023, Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông T và ông B (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và ông B về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, khôi phục việc làm, các chế độ theo quy định của pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện C đăng báo xin lỗi và cải chính công khai. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và ông B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 08/5/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2, Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348, Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng điểm e, khoản 1, khoản 3 Điều 79, Điều 80 Luật Cán bộ, công chức; Điều 48, 51, 52, 53, 54 của Luật Khiếu nại; khoản 6 Điều 2, điểm d khoản 2 Điều 7, khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 6, Điều 8, Điều 13, Điều 24, 25, 26, khoản 2 Điều 30, khoản 7 Điều 39 của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc T về hủy Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về việc thi hành kỷ luật đối với ông Vũ Ngọc T và Quyết định giải quyết khiếu nại số 642/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của của ông Vũ Ngọc T (lần đầu).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Phong B về hủy Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về việc thi hành kỷ luật đối với ông Cao Phong B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết khiếu nại của của ông Cao Phong B (lần đầu).

3. Không chấp nhận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc T về buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bồi thường thiệt hại 93.032.932 đồng *(Chín mươi ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm ba mươi hai đồng)*; buộc khôi

phục việc làm và các chế độ theo quy định của pháp luật và đăng báo xin lỗi và cải chính công khai.

4. Không chấp nhận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Phong B về buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bồi thường thiệt hại 87.980.654 đồng *(T3 mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng)*; khôi phục việc làm, các chế độ theo quy định của pháp luật và đăng báo xin lỗi và cải chính công khai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2024, người khởi kiện ông Cao Phong B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện ông Cao Phong B kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Cao Phong B trong thời hạn quy định và đúng thủ tục nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện:

Ông Cao Phong B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc thi hành kỷ luật đối với ông B và Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông B; các quyết định này là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 04/12/2023, ông Cao Phong B khởi kiện yêu cầu hủy quyết định kỷ luật buộc thôi việc và quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên. Vì vậy, căn cứ quy định

tại khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính, đơn khởi kiện của ông Cao Phong B là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của ông Cao Phong B, thì thấy:

[3.1] Về hình thức kỷ luật buộc thôi việc:

Người khởi kiện ông B cho rằng hành vi vi phạm của ông chỉ thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức kỷ luật *"khiển trách"* quy định tại Điều 8 của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP chứ không thuộc trường hợp bị *"buộc thôi việc"* quy định tại Điều 13 của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP vì ông B bị Tòa án xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Tuy nhiên, xem xét hồ sơ kỷ luật là các tài liệu chứng cứ do người bị kiện cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Ông Cao P Bình nguyên là công chức Địa chính nông nghiệp - xây dựng và môi trường của Ủy ban nhân dân xã I. Năm 2016, ông B do thiếu trách nhiệm khi xác nhận, thẩm định, lập danh sách, lập tờ trình, tham mưu không đúng cho Ủy ban nhân dân huyện C trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 608815 cho ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Lệ H2, dẫn đến ông N, bà Hoa lợi d giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp không đúng trên để lừa đảo, chiếm đoạt của Ngân hàng Đ số tiền 580.000.000 đồng.

Ngày 22/9/2022, ông B bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 15 tháng tù về tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự, nhưng cho hưởng án treo.

Ông B đã thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, gây hậu quả nghiêm trọng, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong nhân dân và làm mất uy tín của cơ quan, đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thực hiện chức trách, nhiệm vụ của công chức được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật theo quy định tại điều 6 của Nghị định số 112/NĐ-CP.

Tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 112/NĐ-CP quy định: *Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm các quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức thì bị xem xét xử lý kỷ luật.*

Điểm d khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 112/NĐ-CP về mức độ của hành vi vi phạm quy định: *Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động sâu rộng đến toàn xã hội, gây dư luận đặc biệt bức xúc trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, làm mất uy tín của cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác*.

Sau khi phạm tội và bị xét xử, thì ngày 28/10/2022, đã bị kỷ luật Đảng bằng hình thức *"Khai trừ"*. Tại phiên tòa, người đại diện của ông B khẳng định sau khi bị kỷ luật Đảng, ông B không có bất cứ khiếu nại gì đối với định kỷ luật Đảng. Thực tế, quyết định xử lý kỷ luật Đảng đã có hiệu lực thi hành. Như vậy, theo Quy định về kỷ luật tổ chức Đảng, Đảng viên vi phạm số 69-QĐ/TW ngày 6/7/2022 của Ban thì ông B đã bị xử lý kỷ luật về Đảng bằng hình thức cao nhất.

Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 112/NĐ-CP quy định, trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật Đảng thì thấy hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật Đảng. Mặt khác, tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 112/NĐ-CP cũng quy định hình thức kỷ luật cao nhất đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là *"buộc thôi việc"*.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số Quyết định số 508/QĐ-UBND về thi hành kỷ luật với hình thức kỷ luật *"buộc thôi việc"* đối với ông B tương xứng với hình thức kỷ luật Đảng là đúng pháp luật.

[3.2] Về thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật:

Tại Bản án số 96/2022/HS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử và tuyên phạt ông B 15 tháng tù treo với tội danh *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*; bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị nên hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật (ngày 23/10/2022) và cũng là thời điểm để tính thời hạn, thời hiệu xử lý kỷ luật đối với ông B.

Ngày 25/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND về việc thi hành kỷ luật đối với ông B bằng hình thức *"buộc thôi việc"*. Việc ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND nêu trên là đúng quy định về thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật tại Điều 80 của Luật Cán bộ, công chức và Điều 5 của Nghị định số 112/NĐ-CP. Tuy nhiên, do trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật chưa đúng nên ngày 11/4/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-UBND để hủy bỏ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 về việc thi hành kỷ luật đối với ông B để thực hiện lại quy trình xử lý kỷ luật công chức theo quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

Tại khoản 7 Điều 39 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định: *trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo kết luận việc xử lý kỷ luật công chức tiến hành không đúng quy định về áp dụng hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải ra quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật đã ban hành; đồng thời, cấp có thẩm quyền*

xử lý kỷ luật phải tiến hành xem xét xử lý kỷ luật công chức theo đúng quy định tại Nghị định này.

Đối chiếu với quy định trên, thì sau khi Quyết định số 02/QĐ-UBND bị hủy bỏ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vẫn phải tiến hành xem xét xử lý kỷ luật đối với ông B nếu thời hiệu xử lý kỷ luật vẫn còn; việc hủy bỏ quyết định kỷ luật đã ban hành không làm chấm dứt trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật.

Mặt khác, tại Điều 80 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức quy định thời hiệu xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức kỷ luật *"buộc thôi việc"* là 05 năm, kể từ thời điểm có hành vi vi phạm, do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 vẫn là trong thời hiệu xử lý kỷ luật đã viện dẫn trên.

Hơn nữa, ông B đã bị kỷ luật Đảng bằng hình thức *"Khai trừ"* nên thuộc trường hợp không bị áp dụng thời hiệu trong việc xử lý kỷ luật quy định tại Điều 80 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, kể cả trường hợp ông B không còn là Đảng viên thì thời hiệu xem xét kỷ luật đối với hành vi vi phạm của ông B vẫn là 05 năm kể từ ngày 23/10/2022.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên thì thấy bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Phong B về yêu cầu hủy Quyết định số 508/QĐ-UBND và Quyết định số 643/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cao Phong B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để làm thay đổi nội dung vụ án; do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của ông B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do bác kháng cáo nên ông Cao Phong B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Cao Phong B. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2024/HC-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Cao Phong B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000078 ngày 28/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Thái